TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 157/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 29 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 202/2026/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2026 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Chị Nông Thị N, sinh năm 2001; số định danh cá nhân: 002301001115; địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

+ Anh Lù Đức P, sinh năm 1995; số định danh cá nhân: 002095001618; địa chỉ: Thôn B, xã B, tỉnh Tuyên Quang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Toà án nhân dân Khu vực 6 – Tuyên Quang. Các thoả thuận của đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N và anh Lù Đức P nhất trí thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Lù Đức P có hai con chung là cháu Lù Giang Đ, sinh ngày 11/6/2018 và cháu Lù Thị N1, sinh ngày 20/02/2020. Anh P và chị N thoả thuận, sau ly hôn anh P sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị N sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lù Thị N1 mỗi tháng là 500.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là từ tháng 10 năm 2026 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi theo phương thức chị N là người chuyển tiền, anh P là người nhận tiền.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

[3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nông Thị N và anh Lù Đức P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Chị Nông Thị N và anh Lù Đức P là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn lệ phí nên được miễn lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị N và anh Lù Đức P nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Nông Thị N và anh Lù Đức P có hai con chung là cháu Lù Giang Đ, sinh ngày 11/6/2018 và cháu Lù Thị N1, sinh ngày 20/02/2020. Anh P và chị N thoả thuận, sau ly hôn anh P sẽ là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Nông Thị N sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Lù Thị N1 mỗi tháng là 500.000 đồng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng là từ tháng 10 năm 2026 cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi theo phương thức chị N là người chuyển tiền, anh P là người nhận tiền.

Việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con là không cố định. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không bị ai cản trở.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nông Thị N và anh Lù Đức P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Nông Thị N và anh Lù Đức P là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn lệ phí nên được miễn lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 6 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Đương sự;
- UBND xã Bản Máy, tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu HS-BP.

THẨM PHÁN

Nông Thế Chiến